TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ XUYÊN** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân

2. Bà Vương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị K, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Mông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nông Văn Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày. (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19/12/2023 của nguyên đơn và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chị Sùng Thị K trình bày: Chị K và anh Nông Văn Th trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không chia sẻ cuộc sống trong gia đình, vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau rất nhiều lần, bên cạnh đó anh Th còn thường xuyên đánh đập chị K nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng chị chưa được chính quyền, đoàn thể nào tiến hành hòa

giải, mà chỉ được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo để vợ chồng chị đoàn tụ cùng nhau làm ăn và nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả, tình cảm không cải thiện được. Tuy hai vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ cuối tháng 7/2020 cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Chị K xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh Nông Văn Th để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 và cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013. Hiện nay cả hai cháu vẫn đang sống cùng anh, chị tại thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Minh V và giao cháu Nông Bảo K cho anh Nông Văn Th được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Trong quá trình chung sống chị Ká, anh Th không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Văn Th trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 18/4/2024 có nội dung: Anh Th và chị K được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh sau khi đi làm thuê ở bên ngoài về nhà vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, sự mâu thuẫn của vợ chồng chưa được cơ quan nào giải quyết mà chỉ được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng anh vẫn không khắc phục được bất đồng nên đã sống ly thân nhau và chị K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn. Anh Th thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hòa giải được nên không nhất trí ly hôn, mong chị K quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu trong trường hợp chị K một mực xin được ly hôn anh Th cũng nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 và cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013. Nếu trong trường hợp phải ly hôn anh Thuyết có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Bảo K và giao cháu Nông Minh V cho chị Sùng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh Th không có tài sản, công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thụ lý vụ án và tiến hành các bước giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị Sùng Thị K có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 20 tháng 6 năm 2024. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Sùng Thị K và các tài liệu kèm theo ý kiến của chị K trong đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Nông Văn Th.

Về nuôi con chung: Chị K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Minh Vũ và giao cháu Nông Bảo K cho anh Nông Văn Th được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 23/7/2024 anh Nông Văn Th vắng mặt không có lý *do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần)*. Chủ tọa công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến anh Th trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh Th có quan điểm không nhất trí ly hôn với chị K, trường hợp chị K nhất quyết ly hôn thì anh Th cũng nhất trí ly hôn với chị K. Về nuôi con chung anh Th nhất trí nuôi cháu Nông Bảo K và giao cháu Nông Minh V cho chị Sùng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Sùng Thị K đối với anh Nông Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th ly hôn.

3. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Sùng Thị K; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh,

huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 cho anh Nông Văn Th; sinh năm 1986; địa chỉ thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị Ká và anh Thuyết xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Sùng Thị K về việc xin ly hôn với anh Nông Văn Th được Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Sùng Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nông Văn Th vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 07/2020 vợ, chồng chị K, anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống chung không hòa thuận. Hôn nhân không còn sự yêu thương, tôn trọng nhau nên chị K có đơn xin ly hôn với anh Th. Hội đồng xét xử nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh Th hiện cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh Th theo quy định của khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th xác định có hai con chung là cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 và cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013. Căn cứ theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội Đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguyện vọng của cháu Nông Bảo K và cháu Nông Minh V xin được ở với mẹ là chị Sùng Thị K, nguyện vọng của chị K mong muốn được nuôi cháu V và giao cháu K cho anh Nông Văn Th, anh Th cũng nhất trí với nguyện vọng của chị K. Do vậy, để bảo đảm cho cháu Nông Bảo K và cháu Nông Minh V được nuôi dưỡng đầy đủ, phát triển toàn diện và phù hợp với nguyên vọng, điều kiện kinh tế của chị K, anh Th, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Sùng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 cho anh Nông Văn Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4.2] Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn chị K và anh Th có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn chị K và anh Th có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Sùng Thị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đồng thuận với Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Sùng Thị K đối với anh Nông Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị K được ly hôn với anh Nông Văn Th.

3. Về con chung: Giao cháu Nông Minh V, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Sùng Thị K; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V,

tỉnh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nông Bảo K, sinh ngày 17/8/2011 cho anh Nông Văn Th; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn chị K và anh Th có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn chị K và anh Th có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Sùng Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001044 ngày 03 tháng 4 năm 2024. (chị K đã nộp đủ án phí). Anh Nông Văn Th không phải chịu tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Sùng Thị K và anh Nông Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Đạt